

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-3-2025
V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG TỈNH KIÊN
GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc Bích

2. Bà Lâm Kim Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương.

- Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh G – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lương Thị Kim N**, sinh năm 2001; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ; vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn G1**, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ B, khu phố K, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 18/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Lương Thị Kim N và anh Nguyễn Văn G1 chung sống từ năm 2016, đến ngày 31/8/2022 cả hai người mới đến Ủy ban

nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chị và anh G1 chung sống hạnh phúc. Nhưng thời gian sau này, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn tới không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù chị N đã cố gắng hòa giải để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay chị thấy giữa chị và anh G1 không hợp nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G1.

- Về con chung: chị N và anh Giàu C 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị Kim T sinh ngày 19/7/2017 và Nguyễn Quốc T1 sinh ngày 06/01/2019. Các con đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh G1 cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị N xác định chị và anh G1 không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/02/2025, bị đơn anh Nguyễn Văn G1 trình bày:*

Anh Nguyễn Văn G1 thừa nhận anh và chị N kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang là đúng sự thật. Tuy nhiên, theo anh G1 trình bày thì giữa anh và chị N không có mâu thuẫn gì; trong khi anh G1 đang đi ghe biển thì ở nhà chị N dẫn theo 02 con bỏ nhà đi đến nay hơn 01 năm nhưng anh không biết chị N đi đâu. Anh không đồng ý ly hôn với chị N. Trường hợp Tòa án có giải quyết ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi 02 con chung là Nguyễn Thị Kim T sinh ngày 19/7/2017 và Nguyễn Quốc T1 sinh ngày 06/01/2019; anh G1 không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con.

Giữa anh và chị N không có tài sản chung và không có nợ chung nên anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 04/11/2024, cháu Nguyễn Thị Kim T có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 19, 51, 56 và 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Kim N, cho chị Lương Thị Kim N ly hôn với anh Nguyễn Văn G1.

- Về con chung: giao 02 (hai) con chung Nguyễn Thị Kim T sinh ngày 19/7/2017 và Nguyễn Quốc T1 sinh ngày 06/01/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh G1 cấp dưỡng cho con. Chị N cùng gia đình không được cản trở việc thăm con chung của anh G1.

- Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị N phải đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Lương Thị Kim N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn G1 nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Anh Nguyễn Văn G1 với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại khu phố K, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Chị Lương Thị Kim N có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn G1 được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh G1 kết hôn vào năm 2022 và có đăng ký kết hôn theo quy định, được Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 184, ngày 31/8/2022. Do đó, hôn nhân giữa chị N và anh G1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị N cho rằng giữa chị và anh Giàu C nhiều mâu thuẫn trong lúc còn sống chung, đến nay chị đã không còn tình cảm vợ chồng với anh G1 nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh G1. Anh G1 cho rằng giữa anh và chị N không có mâu thuẫn gì và anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, Tòa án triệu tập anh G1 02 lần để tổ chức hòa giải hàn gắn hôn nhân nhưng anh G1 cố tình trốn tránh không đến và cũng không thể hiện ý chí muốn hàn gắn lại mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị N.

Xét ở góc độ của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình và có nghĩa vụ chung sống với nhau. Trong khi đó, giữa anh G1 và chị N có mâu thuẫn đến mức chị N không thể dung hòa được mối quan hệ hôn nhân của cả hai mà lựa chọn bỏ anh G1 và từ đó vợ chồng anh chị đã ly thân hơn 01 năm nay. Trong suốt thời gian này không ai quan tâm đến ai.

Từ đó cho thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh G1 không thể nào để hàn gắn được; chị N và anh G1 đã không đảm bảo được tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị N yêu cầu được ly hôn với anh G1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

[3] Về con chung: quá trình chung sống, chị N và anh Giàu C 02 (hai) con chung Nguyễn Thị Kim T sinh ngày 19/7/2017 và Nguyễn Quốc T1 sinh ngày 06/01/2019. Từ khi được sinh ra đến nay, con đã luôn gắn bó và được sự chăm sóc về mọi mặt từ mẹ ruột là chị N. Dưới sự chăm sóc của chị N, hiện nay con đang có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường. Cháu T đã đủ 07 tuổi, cũng thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. HĐXX thấy rằng việc giao các con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi chị và anh G1 ly hôn là hoàn toàn đảm bảo lợi ích về mọi mặt của các con nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng cho con: chị N là người được giao trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu anh G1 cấp dưỡng cho con nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: anh G1 và chị N đều xác định anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Kim N, cho chị Lương Thị Kim N ly hôn với anh Nguyễn Văn G1.

2. Về con chung: giao 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị Kim T sinh ngày 19/7/2017 và Nguyễn Quốc T1 sinh ngày 06/01/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh G1 không phải cấp dưỡng cho con. Sau khi ly hôn, anh G1 quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không xem xét giải quyết việc chia tài sản khi ly hôn do anh G1 và chị N đều xác định là không tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004143 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Chị N không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Đương sự;
 - VKSND huyện Kiên Lương;
 - CCTHADS huyện Kiên Lương;
 - Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
 - Sở Tư pháp tỉnh;
 - UBND TT. Kiên Lương
- (để ghi vào sổ Hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thành Minh

